



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Ngoại ngữ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Mã số: 7220204

Lần ban hành: 04
Ngày ban hành: 20/06/2025
Số trang: 26

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tiếng Anh: History of the Communist Party of Vietnam	
- Mã số học phần: HIS0071	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Các môn học chung	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức đại cương/chung chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 02 + Số tiết lý thuyết: 25 + Số tiết thực hành/thảo luận: 10 + Số tiết thực tế ngoài trường: 00 + Số tiết dạy học dự án: 00 + Số tiết tự học: 60	
- Điều kiện tham gia học phần: Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin - Mã số HP: PML0031 Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Mã số HP: EML0031; Chủ nghĩa xã hội khoa học - Mã số HP: SSO0031 Học phần song hành: Không	

- Yêu cầu của học phần: Sinh viên phải có tài liệu học tập và có giáo trình theo quy định tại Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị. - Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 75% - Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, bài thảo luận. - Tham gia đầy đủ các buổi thực hành, thảo luận - Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa khoa học cơ bản

1.2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Thạc sĩ Phạm Thanh Tuấn

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học cơ bản, trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0962833575 Email: tuankra162@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Phân tích các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội qua các thời kỳ lịch sử.

Giảng viên 2: Thạc sĩ Nguyễn Ngọc Diệp

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa học cơ bản, trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương

- Điện thoại: 0367970855 Email: diepngoc@thanhdong.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính: [Lịch sử Triết học; quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh.](#)

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives– COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT(PLOs) và trình độ năng lực được phân bố cho học phần)

Mục tiêu(COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền; trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới. Qua đó làm rõ những thành công và hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.	PLO1	3/6
CO2	Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu; khả năng thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả; nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử Đảng.	PLO5	3/5
CO3	Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin, ước mơ và hoài bão cao đẹp để làm người, làm cán bộ. Tích cực đóng góp trí tuệ và công sức của mình vào công cuộc đổi mới đất nước; có khả năng cập nhật kiến thức mới, sáng tạo trong công việc; thái độ làm việc nghiêm túc, hiệu quả; đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.	PLO11, 12	3/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs))

Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

PLOs Ngôn ngữ Trung Quốc phân nhiệm cho HP Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			CLOs Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO1 (1.1.1)	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO 1 [1.1.1.1]	Trình bày được khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp cứu học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.	I, T	3/6	Chương mở đầu
			CLO 2 [1.1.1.2]	Khái quát được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung cơ bản và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền; Giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám năm 1945.	I, T	3/6	Chương 1
			CLO 3 [1.1.1.3]	Hệ thống được sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975; cho biết những	T, U	3/6	Chương 2

PLOs Ngôn ngữ Trung Quốc phân nhiệm cho HP Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			CLOs Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
				thuận lợi, khó khăn sau cách mạng tháng Tám 1945; Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm qua cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.			
			CLO 4 [1.1.1.4]	Phân tích được quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới; những ưu điểm, hạn chế của Đảng trong quá trình vận dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và nhận thức thực tiễn để xác định chủ trương, đường lối, biện pháp tổ chức, chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối; giải thích được nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế đó.	T, U	3/6	Chương 3
PLO5 (2.1.1)	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	CLO 5 (2.1.1.1)	Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	T, U	3/5	Chương 1,2,3

PLOs Ngôn ngữ Trung Quốc phân nhiệm cho HP Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam			CLOs Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
PLO11 (3.1)	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp.	3/5	CLO6 [3.1.1]	Nâng cao lòng tự hào về Đảng, về dân tộc và cách mạng Việt Nam; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; đóng góp công sức, trí tuệ vào công cuộc đổi mới đất nước.	I, T, U	3/5	Chương 1,2,3
PLO12 (3.2)	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	3/5	CLO7 [3.2.1]	Có ý thức bảo vệ sự thật đối với lịch sử của Đảng và lịch sử cách mạng của dân tộc. Có phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ làm việc nghiêm túc.	I, T, U	3/5	Chương 1,2,3

- **Mức độ giảng dạy:** I (Introduce): Giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): Sử dụng.

- **Ký hiệu CDR:**

1. Nhóm CDR về kiến thức: 1.1 - Kiến thức chung; 1.2 - Kiến thức chuyên ngành;

2. Nhóm CDR về kỹ năng: 2.1 - Kỹ năng chung; 2.2 - Kỹ năng nghề nghiệp;

3. Nhóm CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 3.1 - Năng lực tự chủ; 3.2 - Tự chịu trách nhiệm.

Bảng 2. Ma trận đóng góp của các bài giảng của các chương cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1				PLO5	PLO11, 12	
CLOs	Kiến thức chung				Kỹ năng chung	Tự chủ, trách nhiệm	
Bài giảng	1	2	3	4	5	6	7
	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[1.1.1.3]	[1.1.1.4]	[2.1.1.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Chương mở đầu	x						
Chương 1		x			x	x	x
Chương 2			x		x	x	x
Chương 3				x	x	x	x

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá ,thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ giờ lên lớp lý thuyết và thực hành theo quy định	CLO6,7	10	Điểm danh	Thường xuyên

Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	CLO5	10	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
A1.2.Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO2,3,4	30	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Cuối chương 2
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận	Kết thúc học phần
A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Trắc nghiệm, Tự luận	CLO2,3,4	50	Trắc nghiệm, Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 4. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLOs	Kiến thức chung				Kỹ năng chung	Tự chủ, trách nhiệm	
	1	2	3	4		6	7
Bài giảng	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[1.1.1.3]	[1.1.1.4]	[2.1.1.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
A1.1					x	x	x
A1.2		x	x	x			
A2		x	x	x			

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 4. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1. Nghiên cứu các sự kiện lịch Đảng 1.2. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn 1. 3. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực tiễn của Đảng trong tiến trình cách mạng	02 (2/0)	CLO1	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	<i>1.4. Nghiên cứu, làm rõ tổ chức của Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các giai đoạn và thời lịch sử</i> 2. Chức năng, nhiệm vụ của học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng</i> <i>2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng</i> 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>3.1. Phương pháp luận sử học</i> <i>3.2. Các phương pháp cụ thể</i>					
	Chương 1:Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của	12 (6/6)	CLO2,5,6,7	Thuyết trình, phát vấn, trao đổi, thảo luận	Đọc và chuẩn bị bài chương 1. Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Đảng(tháng 2- 1930) <i>1.1.1. Bối cảnh lịch sử</i> 1.1.1.1. Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam 1.1.1.2. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp 1.1.1.3. Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng <i>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</i> <i>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</i> 1.1.3.1. Các tổ chức cộng sản ra đời 1.1.3.2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.3.3. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng <i>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i>					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 1.2.1.1. Phong trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930) 1.2.1.2. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng 1.2.1.3. Đại hội Đảng lần thứ nhất (3-1935) 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.2.1. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng 1.2.2.2. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	1939-1945 1.2.3.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng 1.2.3.2. Phong trào chống Pháp-Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang 1.2.3.3. Cao trào kháng Nhật cứu nước 1.2.3.4. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 1.2.4.1. Tính chất 1.2.4.2. Ý nghĩa 1.2.4.3. Kinh nghiệm					
	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)	12 (6/6)	CLO3,5,6,7	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Đọc và chuẩn bị bài chương 2. Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954 <i>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946</i> 2.1.1.1. Tình hình Việt Nam sau cách mạng tháng Tám năm 1945 2.1.1.2. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng 2.1.1.3. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ <i>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</i> 2.1.2.1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của				bày trước lớp	

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Đảng 2.1.2.2. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954 2.1.3.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951) 2.1.3.2. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt 2.1.3.3. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 2.1.4.1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2.1.4.2. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2.2.1.1. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960 2.2.1.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 2.2.2.1. Đường lối kháng chiến chống					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Mỹ, cứu nước của Đảng 2.2.2.2. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ 1965-1968 2.2.2.3. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975 2.2.3.1. Ý nghĩa lịch sử 2.2.3.2. Nguyên nhân thắng lợi 2.2.3.3. Kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng Kiểm tra bài số 1					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Chương 3 Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018) 3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986) <i>3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 – 1981</i> 3.1.1.1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước 3.1.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981 <i>3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986</i> 3.1.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng	12 (6/6)	CLO4,5,6,7	Thuyết trình, phát vấn, trao đổi, thảo luận	Đọc và chuẩn bị bài chương 3. Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	3.1.2.2. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 3.2.1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện 3.2.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018 3.2.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá 1996-2001 3.2.2.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 2001-2006 3.2.2.3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện 2006 -2011 3.2.2.4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 của Đảng 3.2.2.5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới 3.2.3.1. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới 3.2.3.2. Một số hạn chế và nguyên					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	nhân 3.2.3.2. Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới Bài kiểm tra số 2					

Ghi chú:

- (2) Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.
- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;
- (4) Liệt kê các CĐR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.
- (5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR;
- (6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số. ...
- (7) Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Bộ Giáo dục và đào tạo	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị</i>)	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (<i>dùng trong các trường đại học, cao đẳng</i>), NXB CTQG, 2006.	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật

Bảng 6. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà A, B	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương mở đầu, 1, 2, 3

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1:Chuyên cần (ClassAttendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (OralPresentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, bodyand conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo	25%

	nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	người nghe khi trình bày.	có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	
--	---------------------------------	---------------------------	---	---	---	--

Rubric 3:Làm việc nhóm (TeamworkAssessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%

Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%
---------------	---	---	--	--	---	-----

10. Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

11. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (*Multiple choice exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Trưởng khoa

Hải Dương, ngày tháng năm

Người biên soạn